

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - KHÁNH HOÀ
TỈNH KHÁNH HOÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - KHÁNH HOÀ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hạnh;
Ông Trần Ngọc Tuấn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Khánh Hòa:** Bà Trần Thị Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Q. Địa chỉ: A P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: ông Hàn Ngọc V - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H - Giám đốc Trung tâm quản lý nợ Ngân hàng B. Bà H ủy quyền lại cho các ông Võ Thành N, Lưu Trường H1 và Phạm Văn C - Cán bộ ngân hàng TMCP Q tham gia tố tụng (ông N có mặt; ông C, ông H1 vắng mặt)

2. **Bị đơn:** Ông Phan Văn L, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Bà Trương Thị Ú, sinh năm 1985 (có mặt);

Cùng địa chỉ: số A đường C, khu phố K, phường N, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (viết tắt Ngân hàng V3), ông Võ Thành N trình bày:

- Ngày 30/7/2020, Ngân hàng V3 ký với ông Phan Văn L và bà Trương Thị Ú hợp đồng tín dụng số 8205462.20 để cấp khoản tín dụng 1.500.000.000đ, mục đích vay: mua 01 xe ô tô nhãn hiệu: ford, biển số 85A-05969, thời hạn vay: 96 tháng, từ ngày 31/7/2020 đến ngày 30/7/2028, lãi suất trong hạn: 9%/năm trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay, sau đó sẽ điều chỉnh lại 03 tháng 01 lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Ngân hàng V3 đã giải ngân đầy đủ số tiền này cho ông Phan Văn L và bà Trương Thị Ú theo đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 6755846.20 ngày 30/7/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng: ông Lê V1 bà Ú đã thanh toán được cho ngân hàng V3 số tiền 948.568.623đ, trong đó tiền gốc: 531.379.000đ; tiền lãi là 417.189.623đ).

Ông L và bà Ú đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 31/7/2023.

- Ngoài ra, ngày 05/6/2023, ông Phan Văn L còn ký kết hợp đồng tín dụng số 984876.23 để vay khoản tiền 260.000.000đ, mục đích vay: tiêu dùng mua sắm đồ dùng, thiết bị gia đình; thời hạn vay: 60 tháng, kể từ ngày 6/6/2023; lãi suất trong hạn: 12% cố định trong suốt thời gian vay; lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Ngân hàng V3 đã giải ngân số tiền này cho ông Phan Văn L theo đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 9848476(1).23 ngày 06/6/2023.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Lê C1 thanh toán bất cứ khoản tiền gốc, lãi nào đối với hợp đồng tín dụng này.

Tổng số tiền dư nợ của 02 hợp đồng tín dụng của ông Phan Văn L và bà Trương Thị Ú T đến ngày 30/9/2025 là 1.820.076.398đ, trong đó:

Hợp đồng tín dụng 8205462.20 là 1.457.812.880đ, trong đó nợ gốc: 968.621.000đ, lãi trong hạn: 89.545.759đ, lãi quá hạn và lãi chậm trả: 399.646.121đ.

Hợp đồng tín dụng 9848476.23 là 362.263.517đ, trong đó nợ gốc: 260.000.000đ, lãi trong hạn: 19.232.876đ, lãi quá hạn và lãi chậm trả: 83.030.641đ.

Mặc dù hợp đồng tín dụng 9848476.23 chỉ mình ông L ký kết, tuy nhiên mục đích là để phục vụ nhu cầu tiêu dùng của gia đình ông Lê N1 vợ ông Lê L1 bà Ú phải có nghĩa vụ trả nợ chung.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Phan Văn L và bà Trương Thị Ú phải thanh toán cho Ngân hàng V3 tổng số tiền tính đến ngày 30/9/2025 là 1.820.076.398đ (một tỷ tám trăm hai mươi triệu không bảy mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi tám đồng).

Buộc ông Phan Văn L và bà Trương Thị Ú phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/10/2025 đến khi trả xong nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký kết.

Đối với hợp đồng thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu: ford, biển số 85A-05969 để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng 8205462.20 ngày 30/7/2020, ngân hàng V3 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra đại diện cho Ngân hàng V3, ông N không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn ông Phan Văn L, bà Trương Thị Ú:

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Trương Thị Ú trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc ngày 30/7/2020, bà và ông Phan Văn L có ký kết hợp đồng tín dụng số 8205462.20 với Ngân hàng TMCP Q để vay số tiền 1.500.000.000đ. Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ khoản tiền vay này cho vợ chồng bà.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng bà có trả tiền gốc lãi hàng tháng cho Ngân hàng. Bà thống nhất số tiền đã trả như đại diện Ngân hàng V3 đã trình bày. Ngày 06/7/2023, vợ chồng bà ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 57/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. Sau khi vợ chồng bà ly hôn, bà và ông Lê thỏa T1 ông Lê L1 người trả khoản nợ này và ông Lê L1 người đang quản lý, sử dụng chiếc xe ô tô Ford.

Đối với hợp đồng tín dụng số 9818476.23 ngày 05/6/2023 giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Phan Văn L là do ông Lê T2 ký kết hợp đồng với Ngân hàng V3, bà không biết về khoản nợ này của ông Lê V2 thời gian này vợ chồng bà đã sống ly thân, ông Lê K dùng khoản vay này để mua sắm thiết bị gì trong gia đình bà hay phục vụ gì cho nhu cầu của gia đình bà nên bà không đồng ý cùng trả khoản nợ này với ông L.

Đối với khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 8205462.20, do bà và ông L đã ly hôn, vợ chồng bà đã tự thỏa thuận khoản nợ này ông Lê P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V3 nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc cả bà và ông Lê P trả lại toàn bộ dư nợ của hợp đồng này cho Ngân hàng TMCP Q.

Đề nghị Tòa án buộc ông Lê P có nghĩa vụ trả toàn bộ các khoản nợ này cho Ngân hàng TMCP Q.

Bị đơn ông Phan Văn L: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ về thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Lê N2 ông Lê vắng M, không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V3 về việc buộc bà Trương Thị Ú và ông Phan Văn L phải trả cho Ngân hàng V3 tổng số tiền tính đến ngày 30/9/2025 là 1.457.812.880đ theo hợp đồng tín dụng số 8205462.20 ngày 30/7/2020. Đối với hợp đồng tín dụng số 9818476.23 ngày 05/6/2023 không có cơ sở xác định đây là nợ chung của ông L và bà Ú nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V3, chỉ buộc ông Lê P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng V3 số tiền tính đến ngày 30/9/2025 là 362.263.517đ. Kể từ ngày 01/10/2025, ông Ú, bà L tiếp tục chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

- Căn cứ vào nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V3, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn có nơi cư trú tại phường N, tỉnh Khánh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Khánh Hòa.

[1.2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Khánh Hòa đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các bị đơn nhưng chỉ có bà Trương Thị Ú có mặt, ông Phan Văn L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn ông L.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: 30/7/2020, bà Trương Thị Ú và ông Phan Văn L có ký kết hợp đồng tín dụng số 8205462.20 với Ngân hàng V3 vay số tiền 1.500.000.000đ để mua xe ô tô FORD (biển số 85A-05969), thời hạn vay là 96 tháng, kể từ ngày 31/7/2020. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9%/năm và được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên, sau đó lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ theo quy định; lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Ngân hàng V3 đã giải ngân đầy đủ số tiền này cho ông Phan Văn L và bà Trương Thị Ú theo đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 6755846.20 ngày 30/7/2020.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông Lê bà Ú1 đã trả được số tiền gốc: 531.379.000đ, tiền lãi: 421.400.004đ. Từ ngày 31/7/2023, ông Lê bà Ú1

không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V3 theo hợp đồng đã thoả thuận. Tổng dư nợ đối với hợp đồng này của bà Ú1 ông Lê T3 đến ngày 30/9/2025 là 1.457.812.880đ, trong đó nợ gốc: 968.621.000đ, nợ lãi trong hạn: 89.545.759đ và lãi quá hạn và lãi chậm trả: 399.646.121đ.

- Ngoài ra, vào ngày 05/6/2023, ông Phan Văn L còn ký kết hợp đồng tín dụng số 984876.23 để vay khoản tiền 260.000.000đ, mục đích vay: tiêu dùng mua sắm đồ dùng, thiết bị gia đình; thời hạn vay: 60 tháng, kể từ ngày 6/6/2028; lãi suất trong hạn: 12% cố định trong suốt thời gian vay; lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Ngân hàng V3 đã giải ngân số tiền này cho ông Phan Văn L theo đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 9848476(1).23 ngày 06/6/2023. Quá trình thực hiện hợp đồng này, ông Lê C1 trả cho ngân hàng bất cứ khoản tiền nào. Tính đến ngày 30/9/2025, dư nợ của hợp đồng này là 362.263.517đ, trong đó tiền gốc: 260.000.000đ, tiền lãi trong hạn 19.232.876đ, lãi quá hạn và lãi chậm trả 83.030.641đ.

- Xét hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng V3 và bà Trương Thị Ú, ông Phan Văn Lê N3 trên thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự và các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao dịch.

+ Đối với hợp đồng tín dụng số 8205462.20 ngày 30/7/2020 là nợ chung của ông Phan Văn L và bà Trương Thị Ú trong thời kỳ hôn nhân. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Trương Thị Ú, ông Phan Văn L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng V3, vi phạm các nội dung đã ký kết trong hợp đồng tín dụng. Quá trình giải quyết vụ án, bà Ú cho rằng bà và ông L đã ly hôn vào ngày 06/7/2023 (chưa giải quyết vấn đề nợ chung và tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn) và sau khi ly hôn bà và ông Lê T2 thoả thuận người thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng này cho Ngân hàng V3 là ông L. Xét thấy đây là thoả thuận của ông Lê bà Ú1 nhưng không được sự đồng ý của người họ phải thực hiện nghĩa vụ là Ngân hàng V3 nên thoả thuận này là không phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V3 về việc buộc ông Lê bà Ú1 phải có nghĩa vụ chung trả toàn bộ dư nợ là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận, không chấp nhận ý kiến của bà Ú1. Buộc ông Phan Văn L và bà Trương Thị Ú phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng V3 tổng số tiền tính đến ngày 30/9/2025 là 1.457.812.880đ, trong đó nợ gốc: 968.621.000đ, nợ lãi trong hạn: 89.545.759đ và lãi quá hạn: 399.646.121đ.

+ Đối với hợp đồng tín dụng số 984876.23 ngày 05/6/2023: hợp đồng này do chỉ mình ông Phan Văn L xác lập với Ngân hàng V3. Mặc dù hợp đồng tín dụng thể hiện mục đích vay: tiêu dùng mua sắm đồ dùng, thiết bị gia đình, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, bà Ú xác định thời gian này vợ chồng ông bà không còn sống chung và chuẩn bị ly hôn, ông Lê K dùng khoản vay này để phục vụ nhu cầu cho gia đình bà, bà không biết về khoản vay này của ông L. Ngân hàng không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh về việc ông Lê D số tiền vay này để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình ông Lê bà Ú1. Do đó, không có cơ sở xác định đây là nợ chung của ông L, bà Ú1 nên không có cơ sở buộc bà Ú1 phải liên đới với ông

Lê Đ thực hiện nghĩa vụ trả khoản vay này cho Ngân hàng V3; ông Lê P có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản vay này cho Ngân hàng V3 với tổng số tiền tính đến ngày 30/9/2025 là 362.263.517đ, trong đó: 260.000.000đ, lãi trong hạn: 19.232.876đ, lãi quá hạn: 83.030.641đ.

- Kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả hết nợ vay, ông L, bà Ú1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

- Đối với hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại hợp đồng tín dụng số 8205462.20 ngày 30/7/2020, Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Ông Phan Văn L và bà Trương Thị Ú phải liên đới chịu 55.734.000đ (làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm (đối với nghĩa vụ phải thực hiện với Ngân hàng V3 theo hợp đồng tín dụng số 8205462.20 ngày 30/7/2020).

Ông Phan Văn L còn phải chịu 18.113.000đ (làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm (đối với nghĩa vụ phải thực hiện với Ngân hàng V3 theo hợp đồng tín dụng số 984876.23 ngày 05/6/2023).

Ngân hàng V3 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Khánh Hoà là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q: Buộc ông Phan Văn L và bà Trương Thị Ú phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30/9/2025 là 1.457.812.880đ (một tỷ bốn trăm năm mươi bảy triệu tám trăm mười hai nghìn tám trăm tám mươi tám đồng), trong đó nợ gốc: 968.621.000đ, nợ lãi trong hạn: 89.545.759đ và lãi quá hạn và lãi chậm trả: 399.646.121đ (theo hợp đồng tín dụng số 8205462.20 ngày 30/7/2020).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Phan Văn L và bà Trương Thị Ú còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 8205462.20 ngày 30/7/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q: Buộc ông Phan Văn L phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30/9/2025 là 362.263.517đ (ba trăm sáu mươi hai triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm mười bảy đồng, trong đó tiền gốc: 260.000.000đ, tiền lãi trong hạn: 19.232.876đ, lãi quá hạn và lãi chậm trả: 83.030.641đ (theo hợp đồng tín dụng số 984876.23 ngày 05/6/2023).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Phan Văn L còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 984876.23 ngày 05/6/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí:

Ông Phan Văn L và bà Trương Thị Ú phải liên đới chịu 55.734.000đ (năm mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan Văn L còn phải chịu 18.113.000đ (mười tám triệu một trăm mười ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền 28.435.126đ (hai mươi tám triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn một trăm hai mươi sáu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006171 ngày 10/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Đồng Nai).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn bà Trương Thị Ú có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Phan Văn L vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Khánh Hoà;
- Phòng THADSKV 6 - Khánh Hoà;
- Phòng THADSKV 4 - Đồng Nai;
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đinh Thị Thành